

Số: 1910/2022/CV-ATS

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Trụ sở chính : thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại : 02473059886

Website : <http://www.atesco.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Hảo, Người Phụ trách quản trị kiêm
Thư ký Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco

Email : atescovn@gmail.com

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính Quý III năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco

Các tài liệu này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần
Tập đoàn dược phẩm Atesco vào ngày 19/10/2022 tại đường dẫn: <http://atesco.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính Quý III năm 2022 của Công
ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lê Thị Hảo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo tài chính đã được lập:	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính Quý 3 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18, ngày 29/06/2022 và cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ : Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Thái	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 28/01/2022 Bổ nhiệm Chủ tịch ngày 24/05/2022
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Đỗ Văn Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Thị Thiên Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Lãi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2022

Người đại diện trước pháp luật của Công ty:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Công Lãi.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính Quý 3 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính Quý 3 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính Quý 3 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính Quý 3 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính Quý 3 trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính Quý 3, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính Quý 3 và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính Quý 3 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30-09-22	01-01-22
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.990.090.284	23.395.487.124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	1.445.347.508	3.210.644.255
1. Tiền	111		1.445.347.508	3.210.644.255
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.876.741.912	14.939.107.200
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	3.764.927.900	4.150.032.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	2.788.291.255	2.741.972.300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	-	8.580.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.009.495.057	2.150.075.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	4	(2.685.972.300)	(2.682.972.300)
IV. Hàng tồn kho	140	9	28.593.274	10.569.637
1. Hàng tồn kho	141		28.593.274	10.569.637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.639.407.590	5.235.166.032
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	-	1.111.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.639.407.590	5.234.054.928
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.709.775.498	35.720.826.894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000.000	30.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	30.500.000.000	30.500.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(500.000.000)	(500.000.000)
II. Tài sản cố định	220		4.959.813	12.399.510
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.959.813	12.399.510
- Nguyên giá	222		101.348.000	101.348.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(96.388.187)	(88.948.490)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	5.700.000.000	5.700.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.700.000.000	5.700.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.815.685	8.427.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.815.685	8.427.384
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		48.699.865.782	59.116.314.018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30-09-22	01-01-22
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.558.048.239	16.701.568.045
I. Nợ ngắn hạn	310		5.558.048.239	16.701.568.045
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.392.162.795	9.900.477.235
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	584.913.953	3.520.490.964
3. Phải trả người lao động	314		507.062.400	623.057.500
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		73.909.091	81.818.182
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	-	777.801.265
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	-	1.797.922.899
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.141.817.543	42.414.745.973
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	43.141.817.543	42.414.745.973
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.141.817.543	7.414.745.973
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.182.871.796	5.182.871.796
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.958.945.747	2.231.874.177
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		48.699.865.782	59.116.314.018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2022



Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ III/2022

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm 2022	Năm 2021
			Quý III/ 2022	Quý III/ 2021		
1	2	3	4	5		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	11.182.851.500	9.789.681.236	30.095.854.750	27.066.463.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.182.851.500	9.789.681.236	30.095.854.750	27.066.463.242
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	10.486.742.176	9.210.547.739	26.341.113.007	24.740.693.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		696.109.324	579.133.497	3.754.741.743	2.325.770.232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	54.238	1.838.392	448.840.102	18.634.287
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1.465	47.908.004	63.433.807	55.740.237
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.465	47.908.004	63.433.807	55.740.237
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		513.295.138	351.455.933	1.441.110.051	1.299.570.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		182.866.959	181.607.952	2.699.037.987	989.093.469
11. Thu nhập khác	31		0	0		
12. Chi phí khác	32		2.500.000	0	1.077.574.500	662.990.175
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.500.000)	-	(1.077.574.500)	(662.990.175)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		180.366.959	181.607.952	1.621.463.487	326.103.294
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	36.073.978	36.321.590	894.391.917	83.818.557
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		144.292.981	145.286.362	727.071.570	242.284.737
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

NG- ỒI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TR- ỜNG

Lập ngày 14 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Công Lãi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Phương pháp trực tiếp
Quý 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND
Từ 01/01/2021
Đến 30/09/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 Đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 Đến 30/09/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	30.469.849.050	27.546.604.368
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(29.141.756.292)	(21.603.290.586)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(4.980.733.300)	(4.572.323.808)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(63.435.274)	(55.740.237)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(984.306.275)	(37.611.736)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	22.149.075.161	4.804.088.989
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(25.998.841.488)	(2.129.249.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.550.148.418)	3.952.477.227
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.210.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.580.000.000	13.580.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.004.484	18.634.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.585.004.484	(5.611.365.713)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	500.000.000	5.570.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.297.922.897)	(3.770.890.411)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.229.916)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.800.152.813)	1.799.109.589
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(1.765.296.747)	140.221.103
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.210.644.255	2.749.593.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)

70

1.445.347.508

2.889.815.061

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
DƯỢC PHẨM
H.P. PÚC THOẠI
HÀ NỘI

Nguyễn Công Lãi

C.P. IN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng

Báo cáo tài chính Quý 3)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18, ngày 29/06/2022 và cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ : Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số cán bộ công nhân viên: 57 người

Lĩnh vực kinh doanh:

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Mục đích lập Báo cáo tài chính

Công ty lập Báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty cũng đã lập Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 phát hành ngày 14 tháng 10 năm 2022.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị

04 - 05 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư

dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	30-09-22	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.398.036.752	3.204.242.086
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.310.756	6.402.169
Cộng	1.445.347.508	3.210.644.255
4. Phải thu khách hàng		
	30-09-22	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	3.764.927.900	4.150.032.200
Cộng	3.764.927.900	4.150.032.200
5. Trả trước cho người bán		
	30-09-22	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
Khác	102.318.955	56.000.000
Cộng	2.788.291.255	2.741.972.300
6. Phải thu về cho vay		
	30-09-22	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cho vay cá nhân (*)		8.580.000.000
Cộng	-	8.580.000.000

(*) Đây là khoản cho các cá nhân vay theo Hợp đồng cho vay ngắn hạn, lãi suất là 3%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp

7. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30-09-22		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Bảo hiểm xã hội dư nợ	70.400		75.000	
Tạm ứng	-		350.000.000	
Phải thu khác	2.009.424.657		1.800.000.000	
Lãi hợp tác kinh doanh (*)	2.009.424.657		1.800.000.000	
Cộng	2.009.495.057	-	2.150.075.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

7. Phải thu khác (tiếp)

Đơn vị tính: VND

	30-09-22		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn				
Công ty cổ phần AAI Việt Nam	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	30.000.000.000		30.000.000.000	
Cộng	30.500.000.000	500.000.000	30.500.000.000	500.000.000
c. Các bên liên quan			32.009.424.657	31.800.000.000
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt			32.009.424.657	31.800.000.000

Khoản hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP tập đoàn dược phẩm Atesco (Bên A) với Công ty CP phát triển Hệ thống Việt (Bên B) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HTKD/ATS/HTV ký ngày

Chi tiết hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

- Bên B đang thực hiện dự án lắp đặt, vận hành và bảo hành hệ thống bảng Led quảng cáo cho toàn bộ các trung tâm thương mại Vincom cùng với Công ty CP Quảng cáo và Truyền thông đa phương tiện Goldmoon Media.

Bên A góp vốn vào bên B để cùng hưởng lợi nhuận từ dự án mà bên B hợp tác với Goldmoon Media.

+ Về góp vốn: Bên A góp 30.000.000.000 VND; Bên B góp 30.000.000.000 VND.

+ Tỷ lệ chia lợi nhuận: Bên A hưởng 50%; Bên B hưởng 50% lợi nhuận sau thuế từ dự án.

+ Thời hạn hợp tác: 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Rút vốn: Trong trường hợp vốn chưa được sử dụng hết, thì mỗi bên có quyền đề nghị bằng văn bản

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/NQ/ĐHĐCĐ-ATS ngày 24/06/2022 Thông qua việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

8. Nợ xấu

	30-09-22		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu				
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	-	1.654.917.300	3.000.000
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc	951.055.000	-	951.055.000	-
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng	80.000.000	-	80.000.000	-
Công ty cổ phần AAI Việt Nam	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	3.185.972.300	-	3.185.972.300	3.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

9. Hàng tồn kho	44834	01/01/2022
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.593.274	10.569.637
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Cộng	28.593.274	10.569.637

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	101.348.000	101.348.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	101.348.000	101.348.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	88.948.490	88.948.490
Số tăng trong kỳ	7.439.697	7.439.697
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	7.439.697	7.439.697
Số dư cuối kỳ	96.388.187	96.388.187
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	12.399.510	12.399.510
Tại ngày cuối kỳ	4.959.813	4.959.813

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND
- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

11. Chi phí trả trước	30-09-22	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	-	1.111.104
- Công cụ dụng cụ		1.111.104
b. Dài hạn	1.203.900	8.427.384
- Công cụ dụng cụ	1.203.900	7.295.968
- Chi phí khác		1.131.416
Cộng	1.203.900	9.538.488

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022

12. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.700.000.000	-			5.700.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19%	5.700.000.000	(*)			5.700.000.000	(*)	
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt								

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Chi tiết các khoản đầu tư

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	Phòng 901-4 Tầng 9, Khu A Tòa nhà Sky City Tower, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phù Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Ngắn hạn							
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Long Biên	-	-	500.000.000	2.297.922.899	1.797.922.899	1.797.922.899	
			500.000.000	2.297.922.899	1.797.922.899	1.797.922.899	

Vay ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Long Biên theo hợp đồng tín dụng số 114LBN/2021/HĐTD ngày 28/06/2021.

- Hạn mức cấp tín dụng: 1.840.000.000 đồng

- Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể

- Lãi suất cho vay: Lãi suất theo từng giấy nhận nợ

- Đảm bảo khoản vay: Không áp dụng tài sản đảm bảo

Số dư tại 30/09/2022 là: 0 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

14. Phải trả người bán	44834	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	4.392.162.795	9.900.477.235
Công ty TNHH MTV DV Du lịch và TM Hồng hà	-	3.286.511.500
Công ty TNHH thực phẩm Dũng Lan	557.485.000	2.850.442.900
Công ty TNHH Phúc Khang Hải Dương	1.215.821.880	942.060.720
Khác	2.618.855.915	2.821.462.115
Cộng	4.392.162.795	9.900.477.235

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				Đơn vị tính: VND
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối kỳ
a. Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	1.698.170.382	624.000	1.698.794.382	-
Thuế Thu nhập doanh	631.443.956	894.391.917	984.306.275	541.529.598
Thuế Thu nhập cá nhân	30.973.993	51.327.230	44.916.868	37.384.355
Các loại thuế khác	3.000.000	12.000.000	9.000.000	6.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.156.902.633	378.749.158	1.535.651.791	-
Cộng	3.520.490.964	1.337.092.305	4.272.669.316	584.913.953

16. Phải trả khác	30-09-22	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	-	777.801.265
<i>Công ty TNHH MTV DV Du lịch và TM Hồng hà</i>		<i>777.801.265</i>
Cộng	-	777.801.265

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
			Cộng	
- Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	5.182.871.796	40.182.871.796	
- Tăng vốn trong năm trước			-	
- Lãi/ Lỗ trong năm trước		2.231.874.177	2.231.874.177	
- Trích lập các quỹ			-	
Số cuối năm trước	35.000.000.000	7.414.745.973	42.414.745.973	
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	7.414.745.973	42.414.745.973	
- Tăng vốn trong kỳ			-	
- Lãi/ Lỗ trong kỳ		727.071.570	727.071.570	
- Trích lập các quỹ			-	
Số cuối kỳ	35.000.000.000	8.141.817.543	43.141.817.543	

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của các thành viên khác	35.000.000.000	100%	35.000.000.000	100%
Vốn góp của Nhà nước				
Cộng	35.000.000.000	100%	35.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
a. Doanh thu		
- Doanh thu cung cấp suất ăn	11.182.851.500	9.789.681.236
Cộng	11.182.851.500	9.789.681.236
19. Giá vốn hàng bán	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	10.486.742.176	9.210.547.739
Cộng	10.486.742.176	9.210.547.739
20. Doanh thu hoạt động tài chính	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	54.238	1.838.392
Cộng	54.238	1.838.392
21. Chi phí tài chính	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
- Lãi tiền vay	1.465	47.908.004
Cộng	1.465	47.908.004
22. Chi phí khác	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế		
- Chi phí xử lý nợ không thu hồi được		
- Giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý		
- Khác	2.500.000	-
Cộng	2.500.000	-
23. Chi phí quản lý doanh nghiệp	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	1.203.900	21.794.844
- Chi phí nhân công	326.762.481	268.946.000
- Chi phí khấu hao	2.479.899	2.479.899
- Thuế, phí, lệ phí	1.957.800	2.154.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.000.000	
- Chi phí khác bằng tiền	147.891.058	56.080.490
- Chi phí dự phòng		
Cộng	513.295.138	351.455.933

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

24. Chi phí sản xuất theo yếu tố	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	1.203.900	21.794.844
- Chi phí nhân công	326.762.481	268.946.000
- Chi phí khấu hao	2.479.899	2.479.899
- Thuế, phí, lệ phí	1.957.800	2.154.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.000.000	-
- Chi phí khác bằng tiền	147.891.058	56.080.490
- Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	513.295.138	351.455.933

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	144.292.981	145.286.362
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	144.292.981	145.286.362
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	41	42

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	QIII/2022	Quý III/2021
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	180.366.959	181.607.952
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	-	-
- Các khoản chi khác	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	180.366.959	181.607.952
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Truy thu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.073.978	36.321.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	36.073.978	36.321.590

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022**26. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	44834		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.445.347.508		3.210.644.255	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.274.422.957	(3.185.972.300)	36.800.107.200	(3.182.972.300)
Các khoản cho vay	-		8.580.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	5.700.000.000	-	5.700.000.000	-
Cộng	43.419.770.465	(3.185.972.300)	54.290.751.455	(3.182.972.300)

Nợ phải trả tài chính	44.834	01/01/2022
	VND	VND
Vay và nợ	-	1.797.922.899
Phải trả người bán, phải trả khác	4.392.162.795	10.678.278.500
Chi phí phải trả	73.909.091	81.818.182
Cộng	4.466.071.886	12.558.019.581

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.445.347.508			1.445.347.508
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.774.422.957	30.500.000.000		36.274.422.957
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Cộng	7.219.770.465	30.500.000.000	-	37.719.770.465
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.210.644.255			3.210.644.255
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.300.107.200	30.500.000.000		36.800.107.200
Các khoản cho vay	8.580.000.000	-		8.580.000.000
Cộng	18.090.751.455	30.500.000.000	-	48.590.751.455

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải	4.392.162.795	-	-	4.392.162.795
Cộng	4.392.162.795	-	-	4.392.162.795
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.797.922.899	-	-	1.797.922.899
Phải trả người bán, phải	10.678.278.500	-	-	10.678.278.500
Cộng	12.476.201.399	-	-	12.476.201.399

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản

27. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Các Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần	11.182.851.500	-	11.182.851.500
Chi phí bộ phận	10.486.742.176	-	10.486.742.176
Kết quả kinh doanh	696.109.324	-	696.109.324
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			513.295.138
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			182.814.186
Doanh thu hoạt động			54.238
Chi phí tài chính			1.465
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			2.500.000
Thuế TNDN hiện hành			36.073.978
Lợi nhuận sau thuế			144.292.981

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM
ATESCO**

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, H. Phúc
Thọ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến
ngày 30/09/2022

28. Giao dịch với bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	Công ty đầu tư khác

b. Giao dịch với bên liên quan

	<u>44.834</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Lãi hợp tác đầu tư	443.835.616	189.041.096
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	443.835.616	189.041.096

b. Số dư với bên liên quan

	<u>44.834</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải thu khác	32.009.424.657	31.800.000.000
Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt	32.009.424.657	31.800.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Căn đối kế toán và các thuyết minh có liên quan là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Quý 3/2021 tự lập.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Lãi